



CÃ'NG TY THIÁ'ÓT BÁ'» Š VÃ€ CÃ' C GIÁ'ÇI PHÃ'P CÃ'NG NGHÃ'»† AN HÃ'A

CÃ'ng ty Thiá'ót bá'» vÃ cÃ'c giá'Çi phÃ'p cÃ'ng nghã'»† An HÃ'a

Vá'°-t tÆ° hÃ n cá'°t



BÃ-nh khÃ- Acetylene (C2H2)
3 575 000.00vnÃ'

BÃ-nh khÃ- C2H2 [\[Chi tiá'Çt...\]](#)



BÃ-nh khÃ- Oxy
2 750 000.00vnÃ'

BÃ-nh khÃ- Oxy [\[Chi tiá'Çt...\]](#)



CÃ'p hÃ n
[Ä'ía»†n thoá'Çi Ä'á»f biá'Çt giÃ'Çi](#)

CÃ'p hÃ n [\[Chi tiá'Çt...\]](#)



DÃø y hÃ n MIG 0,8mm
29 150.00vnÄ‘

DÃø y hÃ n MIG [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



DÃø y hÃ n MIG 1.0mm
26 950.00vnÄ‘

DÃø y hÃ n MIG [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



DÃø y hÃ n MIG 1.2mm
25 850.00vnÄ‘

DÃø y hÃ n MIG [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



DÃø y hÃ n MIG 1.6mm
25 850.00vnÄ‘

DÃø y hÃ n MIG [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



DÃø y hÃ n tá»± Ä‘á»™ng 4mm
30 250.00vnÄ‘

DÃø y hÃ n [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



HÃ³a chá»t kiá»fm tra má»i hÃ³n
236 500.00vnÄ³

Thuá»c kiá»fm tra má»i hÃ³n [\[Chi tiá»t...\]](#)



Má»j hÃ³n
38 500.00vnÄ³

Má»j hÃ³n [\[Chi tiá»t...\]](#)



Que bá»¹ TIG inox 2,4mm
215 600.00vnÄ³

Que bá»¹ TIG [\[Chi tiá»t...\]](#)



Que bá»¹ TIG nhÃ³m 2,4mm
187 000.00vnÄ³

Que bá»¹ TIG [\[Chi tiá»t...\]](#)



Que bá»¹ TIG thÃ³p Ä³en 2,4mm
83 600.00vnÄ³

Que bá»¹ TIG [\[Chi tiá»t...\]](#)



Thuá»c hÃ n SJ501T
19 250.00vnÄ‘

Thuá»c hÃ n [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



Ä•iá»fn cá»±c vonfram AC 2,4mm
49 500.00vnÄ‘

Ä•iá»fn cá»±c vonfram [\[Chi tiáº¿t...\]](#)



Ä•iá»fn cá»±c vonfram DC 2,4mm
30 800.00vnÄ‘

Ä•iá»fn cá»±c vonfram [\[Chi tiáº¿t...\]](#)

-
-
-
-
-

« « Báºt Ä‘áºSu
« TrÆ°á»c
1
Tiáºp »
Cuá»i » »

Káºt quáº£ 1 - 16 cá»§a 16